

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2024

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lê

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch I Ran – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang (Chỗ ở tại thời điểm giải quyết vụ án: Thôn S, xã Tân L, huyện Sông L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Xóm V, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt

- Con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Yên V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 13/9/2024 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé H trình bày, yêu cầu :

Về hôn nhân, năm 2012 chị và anh L kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung do không hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc nên không còn sống chung từ năm 2018, đến nay không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung, chị Bé H khai có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016, chị yêu cầu nuôi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, chị Bé H khai không có nên không yêu cầu tranh chấp.

Do chị đi làm và sinh sống ở tỉnh Vĩnh Phúc, điều kiện đi về khó khăn do đường xa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Tại lời khai ngày 23/10/2024 bị đơn anh Nguyễn Thành L yêu cầu:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh L xác nhận đúng như chị Bé H nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt mà chị Bé H đã nộp. Năm 2012, anh và chị Bé H được gia đình cha mẹ hai bên giới thiệu, sau thời gian ngắn khoảng vài ngày tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú C, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới anh và chị Bé H sống chung nhà cha mẹ vợ ở ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Đến khoảng năm 2018 thì không còn sống chung nguyên nhân do không hợp nhau, không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và vợ chồng không hạnh phúc. Từ đó, chị Bé H bỏ đi làm xa, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, đến nay cả hai người không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ nên anh cũng đồng ý ly hôn theo chị Bé H yêu cầu.

Về con chung, anh L xác nhận có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016 hiện đang sinh sống chung chị Bé H và ông bà ngoại của hai cháu tại ở ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang và được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, nguyện vọng của hai cháu cũng yêu cầu được ở với chị Bé H nên anh không yêu cầu nuôi, đồng ý giao cho chị Bé H nuôi tiếp sau khi ly hôn.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung (tức là tài sản chung, nợ chung), anh L khai xác nhận không có nên không yêu cầu tranh chấp.

Do anh cũng bận đi làm, khó khăn trong việc xin nghỉ nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016 (đủ 07 tuổi) là con chung của chị Huỳnh Thị Bé H và anh Nguyễn Thành L:

Hai cháu từ nhỏ mới sinh ra đã sống chung mẹ (chị Huỳnh Thị Bé H) và hiện nay mẹ đi làm xa thì đang sinh sống chung ông bà ngoại và được ông bà ngoại đưa đón đi học hàng ngày và chăm sóc, yêu thương nên khi cha mẹ ly hôn hai cháu yêu cầu được ở với mẹ là chị Huỳnh Thị Bé H.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án đương sự chấp hành thông báo, giấy triệu tập và đều có xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và phiên tòa (vắng mặt đương sự), nhận thấy: chị Bé H và anh L xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú C theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sống chung, anh chị có hai con chung và hiện sinh sống chung chị Bé H nên chị Bé H yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng, nguyện vọng của hai con cũng đòi ở với chị Bé H và được anh L đồng ý. Nguyên nhân chị Bé H yêu cầu ly hôn là anh chị đều thống nhất là thường xảy ra mâu thuẫn, không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Đối với tài sản chung, nợ chung anh chị đều khai không có nên không có yêu cầu gì.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bé H.

Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Bé H ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016 cho chị Huỳnh Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng và anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu, anh Nguyễn Thành L được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, không xem xét giải quyết.

Về án phí, đề nghị xử lý theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn là có đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc đương sự đề nghị xét xử vắng mặt của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào Điều 227, 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày của chị Bé H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung không hợp, thường xảy ra cự cãi, mâu thuẫn không thể hàn gắn và không còn sống chung từ năm 2018 nên yêu cầu ly hôn. Đối với anh L cũng thống nhất ly hôn và không có yêu cầu phản tố. Xét hôn nhân của anh L với chị Bé H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú C, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2018, hai người không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, không có mặt tại phiên tòa do cùng đề nghị xét xử vắng mặt nên có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở

về tiếp tục sống chung, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho hai người ly hôn.

[3] Quyền, nghĩa vụ về con chung, cháu Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016 là con chung của chị Bé H và anh L, tại thời điểm giải quyết vụ án hai cháu đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sinh sống với chị Bé H. Nhận thấy, tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Bé H yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và anh L không phản đối, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị Bé H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, thời điểm giải quyết vụ án đương sự khai xác nhận không có, không có yêu cầu tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân, Cho chị Huỳnh Thị Bé H ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Yến V sinh ngày 12/11/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y sinh ngày 08/7/2016 cho Huỳnh Thị Bé H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của hai cháu cũng yêu cầu được ở với chị Huỳnh Thị Bé H. Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa

án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung (còn gọi là: tài sản chung, nợ chung): Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chi huỳnh Thị Bé H chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0006273 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh, chị Bé H đã nộp đủ, không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga